TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG ĐIỀN** **TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ-ST
Ngày 18-4-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Hoàng Đức.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Lộc.

2. Bà Nguyễn Thị Di.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Long – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 297/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị O, sinh năm: 1979 (có mặt).

Địa chỉ: Tổ 5/60 Ô1, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Lê Văn L, sinh năm: 1966 (vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 5/60 Ô1, khu phố H, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn bà Huỳnh Thị O trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị O và ông Lê Văn L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996 có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L, huyện L Điền, tỉnh bà Rịa – Vũng Tàu, Giấy chứng nhận kết hôn số 120 ngày 23-4-1997. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống khá hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân do không còn hợp nhau, từ đó thường xuyên xảy ra xung đột, bất đồng quan điểm trong cuộc sống dẫn đến không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 5-2018 đến nay vợ chồng sống ly thân mặc dù vẫn sống chung nhà, nhưng không giải quyết được mâu thuẫn, không còn quan tâm đến nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà O yêu cầu được ly hôn với ông L.

- Về con chung và cấp dưỡng: Có 03 người con chung là chị Lê Thị Mỹ A, sinh ngày 17-12-1996; anh Lê Văn T, sinh ngày 21-11-1998 và cháu Lê Thị Kim T, sinh ngày 13-11-2006. Bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu T đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông L cấp dưỡng 3.000.000đ/tháng cho đến khi con trưởng thành. Đối với chị Mỹ A và anh T đã trưởng thành, phát triển bình thường nên không yêu cầu xem xét, giải quyết. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng bà O xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông L cấp dưỡng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Lê Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo kết quả xác minh, ông L có hộ khẩu thường trú tại thị trấn L, huyện L, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu và đang sinh sống tại địa phương.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, bà O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp tài liệu, chứng cứ mới.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại các điều 205, 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các điều 225, 237 và 239 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình

theo quy định tại Điều 70 và Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn chưa chấp hành quy định tại Điều 70 và Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà O đối với ông L. Giao cháu Tuyền cho bà O nuôi dưỡng, ông L không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa bà O xác định yêu cầu Tòa án giải quyết về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với ông L được xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, bà O rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu ông L cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà O và ông L tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện L (nay là thị trấn L, huyện L), tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp giấy chứng nhận kết hôn là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Theo bà O sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng chung sống khá hạnh phúc, nhưng đến năm 2018 thì liên tục phát sinh mâu thuẫn, không giải quyết được. Từ tháng 5-2018 thì sống ly thân cho đến nay, mặc dù vẫn sống chung một nhà nhưng không giải quyết được mâu thuẫn. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà O xin được ly hôn với ông L. Qúa trình tố tụng ông L đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và triệu tập nhiều lần để làm rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo kết quả xác minh quá trình chung sống có mâu thuẫn gì không nhưng địa phương không nắm rõ, bà O cho rằng mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn trong khi đó ông L cố tình vắng mặt cho thấy không có thiện chí hòa giải đoàn tụ.

Theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình thì yêu cầu xin ly hôn của bà O là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung và cấp dưỡng: Cháu T có nguyện vọng được ở với mẹ và bà O yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nên giao cho bà O chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Việc bà O không yêu cầu ông L cấp dưỡng là hoàn toàn tự nguyện nên ghi nhận. Đối với chị Mỹ A và anh T đã trưởng thành, phát triển bình thường và không có yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] Án phí: Bà O là nguyên đơn nên phải nộp 300.000đ án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 228, 244, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 19, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị O về việc yêu cầu ông Lê Văn L cấp dưỡng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị O về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với ông Lê Văn L.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị O được ly hôn với ông Lê Văn L.

- Về con chung và cấp dưỡng: Giao cháu Lê Thị Kim T, sinh ngày 13-11-2006 cho bà Huỳnh Thị O chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và ông Lê Văn L không phải cấp dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người không trực tiếp nuôi con, nếu họ lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

3. Án phí: Bà Huỳnh Thị O phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm không có giá ngạch, được trừ vào 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008579 ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Võ Hoàng Đức

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- CCTHA dân sự huyện Long Điền;
- UBND thị trấn Long Hải;
- Lưu hồ sơ vụ án...